

Số:3234 /QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 27 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt chương trình Phát triển đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BXD ngày 30/11/2017 của Bộ Xây dựng hướng xác định và quản lý chi phí liên quan đến đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020;

Căn cứ Quyết định 1824/QĐ-TTg ngày 25/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 217/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long khóa IX, kỳ họp thứ 14 về việc thông qua Chương trình phát triển đô thị tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030;

Xét tờ trình số 2066/TTr-UBND ngày 13/12/2019 của Giám đốc Sở Xây dựng về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030.

(Nội dung cụ thể của Chương trình kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, UBND các huyện và đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình triển đô thị tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030;

Trong quá trình thực hiện cần cập nhật các quy định chuyên ngành, đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp từng giai đoạn (nếu có) theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc các Sở, Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này;

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ XD, Bộ KHĐT;
- Tỉnh ủy,
- HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy
- Văn phòng HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành tỉnh;
- HĐND, UBND cấp huyện;
- TT Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, 5.06.05.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Trần Hoàng Tụ

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH VĨNH LONG ĐẾN NĂM 2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3234 /QĐ-UBND ngày 27/12/2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

I. Quan điểm và mục tiêu phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh

1. Quan điểm

- Phát triển đô thị tỉnh Vĩnh Long phải phù hợp với phát triển hệ thống đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long và hệ thống đô thị quốc gia, định hướng quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Vĩnh Long, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Phát triển đô thị đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động, phân bố dân cư giữa các khu vực đô thị và nông thôn; Việc sử dụng đất nông nghiệp cho phát triển đô thị phải đảm bảo tính bền vững, yêu cầu an ninh lương thực.

- Phát triển đô thị đảm bảo sử dụng hiệu quả quỹ đất xây dựng, đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật - xã hội, kiểm soát chất lượng môi trường, hài hòa giữa bảo tồn, cải tạo và xây dựng mới.

- Xây dựng đô thị phát triển bền vững, có điều kiện sống tốt, tăng cường sức cạnh tranh đô thị trong khu vực và quốc tế.

2. Mục tiêu

- Xây dựng và phát triển đô thị phù hợp với định hướng phát triển đô thị quốc gia; Từng bước đầu tư xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới đô thị trên địa bàn tỉnh theo từng giai đoạn phát triển trên cơ sở Quy hoạch xây dựng vùng Tỉnh và các quy hoạch ngành đã được phê duyệt, đảm bảo theo các tiêu chí về phân loại đô thị.

- Huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng phát triển đô thị, đảm bảo nâng cao chất lượng, diện mạo kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng hiện đại, văn minh, phát triển bền vững và giữ gìn những giá trị, bản sắc văn hóa của mỗi đô thị.

- Làm cơ sở triển khai đầu tư và quản lý phát triển đô thị có trọng tâm, trọng điểm, tạo động lực phát triển cho các khu vực đô thị nói riêng và toàn tỉnh Vĩnh Long nói chung theo hướng bền vững, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

II. Các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị của tỉnh

1. Hệ thống đô thị

- Đến năm 2020 toàn tỉnh có 08 đô thị gồm:

+ 01 đô thị loại II (thành phố Vĩnh Long);

+ 01 đô thị loại III (thị xã Bình Minh);

+ 06 đô thị loại V (thị trấn Trà Ôn, thị trấn Vũng Liêm, thị trấn Long Hồ, thị trấn Tam Bình, thị trấn Cái Nhum, thị trấn Tân Quới).

- Đến năm 2025 toàn tỉnh có 09 đô thị gồm:

+ 01 đô thị loại II (thành phố Vĩnh Long);

+ 01 đô thị loại III (thị xã Bình Minh);

+ 07 đô thị loại V (thị trấn Trà Ôn, thị trấn Vũng Liêm, thị trấn Long Hồ, đô thị Phú Quới, thị trấn Tam Bình, thị trấn Cái Nhum, thị trấn Tân Quới).

- Đến năm 2030 toàn tỉnh có 11 đô thị gồm:
 - + 01 đô thị loại II (thành phố Vĩnh Long);
 - + 01 đô thị loại III (thị xã Bình Minh);
 - + 02 đô thị loại IV (thị trấn Trà Ôn, thị trấn Vũng Liêm);
 - + 07 đô thị loại V (thị trấn Long Hồ, thị trấn Cái Nhum, thị trấn Tam Bình, thị trấn Tân Quới, đô thị Phú Quới, Cái Ngang, Hựu Thành).

2. Các chỉ tiêu chất lượng đô thị

- Diện tích sàn nhà ở bình quân đạt $29 \text{ m}^2/\text{người}$;
- Tỷ lệ nhà ở kiên cố đạt 75% trở lên;
- Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị: đối với đô thị loại II đạt 20 - 25%; đô thị từ loại III đến loại V đạt từ 20% trở lên;
- Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng các đô thị: đối với đô thị loại II và III đạt từ 20 - 25%; đô thị loại IV và V đạt từ 2 - 5%;
- Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch và tiêu chuẩn cấp nước tại đô thị loại II đến loại IV đạt 90 - 100% và $120 \text{ lít/người/ngàyđêm}$; đô thị loại V đạt 70 - 90% lít/người/ngàyđêm .
- Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước đạt 80 - 90% diện tích lưu vực thoát nước trong khu vực nội thị của các đô thị; Tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải đạt khoảng 60%; 100% các cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm; các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 90%;
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt của đô thị, khu công nghiệp được thu gom và xử lý đạt 90%; chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.
- Tỷ lệ các tuyến đường chính và khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng tại các đô thị đạt 90%. Tỷ lệ chiếu sáng ngõ hẻm đạt 85%.
- Đất cây xanh tại các đô thị đạt $10 \text{ m}^2/\text{người}$ với đô thị loại II; $7 \text{ m}^2/\text{người}$ với đô thị loại III, IV; 3 - $4 \text{ m}^2/\text{người}$ với đô thị loại V. Đất xây xanh công cộng khu vực nội thị đạt 4 - $6 \text{ m}^2/\text{người}$.

III. Danh mục, lộ trình, kế hoạch nâng loại hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh

1. Giai đoạn đến năm 2020

- Lập đề án công nhận thành phố Vĩnh Long là đô thị loại II, thị xã Bình Minh là đô thị loại III;
- Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Vũng Liêm, đáp ứng tiêu chí về quy mô dân số, hướng đến việc khắc phục các tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt của đô thị loại IV;
- Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Trà Ôn, hướng đến việc khắc phục các tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt của đô thị loại IV; Lập và phê duyệt quy hoạch chung đô thị Hựu Thành;
- Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Long Hồ, hoàn thiện tiêu chí đô thị loại V; lập điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Phú Quới làm cơ sở lập đề án công nhận đô thị loại V;
- Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Cái Nhum, huyện Mang Thít;

- Lập điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Tam Bình và đô thị Cái Ngang, huyện Tam Bình;

- Lập điều chỉnh quy hoạch chung mở rộng đô thị, đề án phân loại đô thị loại V và thành lập thị trấn Tân Quới, huyện Bình Tân.

2. Giai đoạn 2021 - 2025

- Hoàn thiện các tiêu chí của đô thị loại II đối với thành phố Vĩnh Long, tiêu chí của đô thị loại III với thị xã Bình Minh.

- Hoàn thiện các tiêu chí của đô thị loại IV đối với thị trấn Vũng Liêm và Trà Ôn; tiêu chí của đô thị loại V đối với đô thị mới Hựu Thành, thị trấn Long Hồ, thị trấn Cái Nhum, thị trấn Tam Bình, đô thị Cái Ngang, thị trấn Tân Quới.

- Lập đề án công nhận đô thị loại IV đối với thị trấn Vũng Liêm và thị trấn Trà Ôn; Đề án công nhận đô thị loại V đối với đô thị Phú Quới.

3. Giai đoạn 2026 - 2030

- Từng bước hoàn thiện các tiêu chí của đô thị loại I đối với thành phố Vĩnh Long, nâng cao chất lượng tiêu chí của đô thị loại III đối với thị xã Bình Minh.

- Từng bước hoàn thiện các tiêu chí của đô thị loại IV đối với các thị trấn Long Hồ, Cái Nhum, Tam Bình; Nâng cao chất lượng tiêu chí của đô thị loại V đối với đô thị Phú Quới (Long Hồ), thị trấn Tân Quới (Bình Tân).

- Lập đề án công nhận đô thị loại V cho đô thị Hựu Thành (Trà Ôn), đô thị Cái Ngang (Tam Bình).

Lộ trình nâng loại đô thị tỉnh Vĩnh Long theo từng giai đoạn

Stt	Cấp hành chính	Tên đô thị	Hiện trạng 2017	Cấp đô thị		
				Đến năm 2020	2021-2025	2026-2030
1	TP. Vĩnh Long	TP. Vĩnh Long	III	II	II	II
2	TX Bình Minh	TX Bình Minh	IV	III	III	III
3	H. Vũng Liêm	TT. Vũng Liêm	V	V	V	IV
4	H. Trà Ôn	TT. Trà Ôn	V	V	V	IV
		Đô thị Hựu Thành				V
5	H. Long Hồ	TT. Long Hồ	V	V	V	V
		Đô thị Phú Quới			V	V
6	H. Mang Thít	TT. Cái Nhum	V	V	V	V
7	H. Tam Bình	TT. Tam Bình	V	V	V	V
		Đô thị Cái Ngang				V
8	H. Bình Tân	Đô thị Tân Quới	V	V	V	V

IV. Danh mục các dự án hạ tầng khung theo nguồn vốn theo từng giai đoạn đến năm 2030

1. Danh mục các dự án: Tổng hợp tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2.

2. Nhu cầu vốn thực hiện

a) Phân theo giai đoạn: Tổng vốn đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng khung và công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật ưu tiên giai đoạn đến 2030 là 65.515 tỷ đồng.

- Nhóm dự án hạ tầng khung và công trình đầu mối cấp quốc gia, vùng là 4.122 tỷ đồng;

- Nhóm dự án hạ tầng khung và công trình đầu mối cấp Tỉnh là 61.393 tỷ đồng; cụ thể như sau:

+ Nguồn vốn đầu tư từ khu vực nhà nước: 13.673 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 22,3% tổng vốn đầu tư công trình cấp tỉnh giai đoạn 2019 - 2030) dự kiến gồm:

++ Ngân sách Trung ương là 1.240 tỷ đồng (2,01%);

++ Ngân sách địa phương là 12.433 tỷ đồng (20,25%).

+ Nguồn vốn đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước: 44.236 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 72,05% tổng vốn đầu tư).

+ Nguồn vốn đầu tư nước ngoài, vốn vay ODA: 3.484 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 5,67% tổng vốn đầu tư).

- Phân bổ nguồn vốn công trình cấp tỉnh theo các giai đoạn:

+ Giai đoạn 2019 - 2020: Tổng vốn đầu tư các dự án là 11.912 tỷ đồng;

+ Giai đoạn 2021 - 2025: Tổng vốn đầu tư các dự án là 30.416 tỷ đồng;

+ Giai đoạn 2026 - 2030: Tổng vốn đầu tư các dự án là 19.065 tỷ đồng.

Tổng hợp vốn đầu tư dự án hạ tầng khung và các công trình đầu mối ưu tiên đầu tư đến năm 2030

Stt	Nguồn vốn	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn (tỷ đồng)				Phân kỳ đầu tư		
			NSNN		Vay, viện trợ	Vốn khác	Đến năm 2020	2021-2025	2026-2030
			NSTW	NSDP					
	TỔNG CỘNG	65.515	5.162	12.633	3.484	44.236	13.134	31.216	21.165
I	Dự án cấp vùng, quốc gia	4.122	3.922	200	-	-	1.222	800	2.100
II	Dự án cấp tỉnh	61.393	1.240	12.433	3.484	44.236	11.912	30.416	19.065
1	Quy hoạch, đề án, chương trình PTĐT	53,6	-	53,6	-	-	37,6	7,5	8,5
2	Hạ tầng xã hội	17.409	300	4.308	282	12.519	3.521	8.674	5.214
3	Hạ tầng kinh tế	16.470	-	50	-	16.420	3.070	7.675	5.725
4	Hạ tầng kỹ thuật	27.460	940	8.021	3.202	15.297	5.283	14.060	8.117

b) Phân theo lĩnh vực: Tổng vốn đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung ưu tiên đầu tư cấp Tỉnh giai đoạn 2019 - 2030 là 27.460 tỷ đồng. Trong đó:

- Nguồn vốn đầu tư từ khu vực Nhà nước: 8.961 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 32,63% tổng vốn đầu tư); Dự kiến gồm:
 - + Ngân sách Trung ương là 940 tỷ đồng (3,42%)
 - + Ngân sách địa phương là 8.021 tỷ đồng (29,21%).
- Nguồn vốn đầu tư nước ngoài, vốn vay ODA: 3.202 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 11,66% tổng vốn đầu tư).
- Nguồn vốn đầu tư từ khu vực ngoài Nhà nước: 15.297 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 55,7% tổng vốn đầu tư).
- Phân bổ nguồn vốn công trình hạ tầng kỹ thuật khung cấp tỉnh theo các giai đoạn:
 - + Giai đoạn 2019 - 2020: tổng vốn đầu tư là 5.283 tỷ đồng;
 - + Giai đoạn 2021 - 2025: tổng vốn đầu tư là 14.060 tỷ đồng;
 - + Giai đoạn 2026 - 2030: tổng vốn đầu tư là 8.117 tỷ đồng.

Dự án hạ tầng kỹ thuật khung ưu tiên cấp tỉnh

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn (tỷ đồng)				Đến năm 2025	2026- 2030
			NSNN		Vay, viện trợ	Khác		
			NSTW	NSDP				
	Hạ tầng kỹ thuật	27.460	940	8.021	3.202	15.297	19.343	8.117
1	Giao thông	13.740	586	5.105	236	7.813	10.610	3.130
2	Cấp nước	919	-	-	-	919	568,5	350,5
3	Cấp điện	3.915	-	-	-	3.915	2.515	1.400
4	Thoát nước	4.989	353	2.696	1.940	-	2.973	2.016
5	Môi trường	2.650	-	-	-	2.650	1.430	1.220
6	Hạ tầng kỹ thuật khác	1.247	-	220	1.027	-	1.247	-

V. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh;
- Hướng dẫn các địa phương tổ chức lập chương trình, tổ chức thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển đô thị từng đô thị;
- Đề xuất giải quyết những khó khăn, vướng mắc khi thực hiện Chương trình; báo cáo UBND tỉnh định kỳ và đề xuất điều chỉnh Chương trình phù hợp với từng giai đoạn.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Cân đối ngân sách hàng năm đảm bảo chi phí chung của các Sở, ngành trong việc thực hiện Chương trình phát triển đô thị và vận động thu hút nguồn vốn ODA cho các hoạt động thuộc Chương trình, tổ chức xúc tiến đầu tư phát triển đô thị từ các nguồn vốn hợp pháp trong nước và quốc tế.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng và hướng dẫn thực hiện các cơ chế ưu đãi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư cho các dự án đầu tư phát triển đô thị.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng bố trí nguồn vốn thực hiện nhiệm vụ Chương trình phát triển đô thị của các Sở, ngành.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tham mưu UBND tỉnh cân đối, điều chuyển kế hoạch sử dụng đất, đáp ứng phù hợp yêu cầu phát triển đô thị theo Chương trình phát triển đô thị tỉnh; xem xét việc hình thành, sử dụng quỹ đất phát triển đô thị; thực hiện các ưu đãi về đất đai đối với các dự án đầu tư phát triển đô thị.

- Thực hiện việc thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, xử lý và tháo gỡ những khó khăn vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng của các dự án phát triển và nâng cấp đô thị.

- Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các địa phương về việc rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch sử dụng đất đảm bảo phù hợp với Chương trình phát triển đô thị tỉnh và Chương trình phát triển đô thị của từng đô thị.

5. Sở Giao thông Vận tải

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các địa phương liên quan quy hoạch, phát triển hệ thống giao thông toàn tỉnh (bao gồm Quốc lộ, đường Tỉnh) gắn kết với hệ thống đô thị trung tâm và các trục giao thông chính đô thị theo quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung đô thị được duyệt.

6. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Xây dựng lập Đề án thành lập Ban quản lý Khu vực phát triển đô thị; chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố lập Đề án điều chỉnh, mở rộng địa giới hoặc thành lập mới đô thị, trình UBND tỉnh trình Chính phủ quyết định.

7. Các Sở, Ban, ngành liên quan

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách và chỉ đạo triển khai thực hiện các chính sách có liên quan đến quản lý phát triển đô thị.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các địa phương thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực của từng Sở, Ban, ngành quản lý; đồng thời tham gia huy động nguồn lực để phát triển kết cấu hạ tầng đô thị.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện)

- Phối hợp với Sở Xây dựng lập Chương trình phát triển đô thị trên địa bàn, phù hợp với chỉ tiêu, kế hoạch của Chương trình phát triển đô thị tỉnh và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương.

- Đối với các đô thị chưa đủ điều kiện nâng loại đô thị phải tổ chức huy động, kêu gọi đầu tư, khắc phục các tiêu chuẩn còn yếu của đô thị trên địa bàn thuộc cấp huyện nhằm thực hiện đúng lộ trình của Chương trình phát triển đô thị tỉnh Vĩnh Long đến 2030

- Tổ chức lập Đề án công nhận loại đô thị; Đề án mở rộng địa giới hành chính hoặc thành lập đô thị mới trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.